

-(으)ㄴ/는/(으)ㄹ + 명사

dạng bổ nghĩa cho danh từ — động từ mô tả danh từ

Tiếng Việt đặt cả mệnh đề sau danh từ: cuốn sách tôi đã đọc. Tiếng Hàn đặt nó phía trước và đánh dấu thì ngay trên động từ. Hệ thống này là nền tảng cho hàng chục điểm ngữ pháp về sau.

Cách kết hợp

Loại từ	Dạng	Ví dụ
Động từ, quá khứ	-(으)ㄴ	읽다 → 읽은 책
Động từ, hiện tại	-는	읽다 → 읽는 책
Động từ, tương lai	-(으)ㄹ	읽다 → 읽을 책
Tính từ, hiện tại	-(으)ㄴ	좋다 → 좋은 사람
Nhóm 있다 / 없다	-는	재미있는 영화
Gốc ㅁ	ㅁ bị lược bỏ	만들다 → 만든 / 만드는
이다	-인	학생인 친구
Hồi tưởng	-던	자주 가던 카페

Khi nào dùng

Thành phần bổ nghĩa luôn đứng trước danh từ, và thì được chia ở nó chứ không phải ở động từ chính. 어제 읽은 책 (cuốn sách tôi đã đọc hôm qua), 지금 읽는 책 (cuốn sách tôi đang đọc), 내일 읽을 책 (cuốn sách tôi sẽ đọc).

Động từ và tính từ hoạt động khác nhau, và phần lớn lỗi sai đến từ đây. Động từ: quá khứ -(으)ㄴ, hiện tại -는, tương lai -(으)ㄹ. Tính từ: hiện tại -(으)ㄴ — 좋은 사람, 예쁜 꽃. Vì vậy 읽은 là động từ quá khứ nhưng 좋은 là tính từ hiện tại, dù trông giống nhau.

Có một nhóm nằm giữa hai loại. Tính từ tạo từ 있다 hoặc 없다 đi với -는, không phải -(으)ㄴ: 재미있는 영화, 맛있는 음식, 재미없는 수업. Và gốc từ kết thúc bằng ㅁ bỏ ㅁ trước -(으)ㄴ và -는: 만들다 thành 만든 và 만드는.

Ví dụ trong câu

1 지금 읽는 책이 재미있어요.

Cuốn sách tôi đang đọc rất hay.

2 어제 만난 사람이에요.

Đây là người tôi đã gặp hôm qua.

3 내일 갈 곳을 정했어요.

Tôi đã quyết định nơi sẽ đi ngày mai.

4 맛있는 음식을 먹었어요.

Tôi đã ăn món ăn ngon.

5 예쁜 옷을 샀어요.

Tôi đã mua bộ quần áo đẹp.

6 제가 사는 곳은 서울이에요.

Nơi tôi sống là Seoul.

So sánh với

Mệnh đề quan hệ tiếng Việt

Trật tự từ ngược lại. Mọi thứ đứng sau danh từ trong tiếng Việt thì đứng trước danh từ trong tiếng Hàn, và không dùng từ nối như “mà”.

cuốn sách (mà) tôi đã đọc hôm qua → 어제 읽은 책

Động từ và tính từ

Cùng một đuôi mang nghĩa khác nhau tùy từ loại. -(으)ㄴ gắn vào động từ là quá khứ; gắn vào tính từ là hiện tại. Hình thức không cho biết điều đó — bạn phải biết từ đó là gì.

읽은 책 (cuốn sách đã đọc) / 좋은 책 (cuốn sách hay)

-던

Mô tả việc thường xuyên hoặc chưa hoàn tất trong quá khứ, mang sắc thái hồi tưởng. Nó đối lập với -(으)ㄴ, vốn chỉ thuật lại hành động đã hoàn tất một cách đơn giản.

자주 가던 카페 (quán cà phê tôi từng hay đến) / 어제 간 카페 (quán cà phê tôi đã đến hôm qua)

Lưu ý

✗ 정말 재미있는 영화예요.

○ 정말 재미있는 영화예요.

Tính từ kết thúc bằng 있다 hoặc 없다 đi với -는, không phải -(으)ㄴ. 맛있는, 맛없는, 재미없는 đều theo quy tắc này.

✗ 좋은 사람을 만났어요.

○ 좋은 사람을 만났어요.

Tính từ thông thường đi với -(으)ㄴ ở hiện tại. -는 dành cho động từ và nhóm 있다.

✗ 제가 만들은 음식이에요.

○ 제가 만든 음식이에요.

Gốc từ kết thúc bằng ㅁ bỏ ㅁ trước -(으)ㄴ và -는: 만든, 만드는. So sánh 사는 사람 và 산 사람 từ 살다.